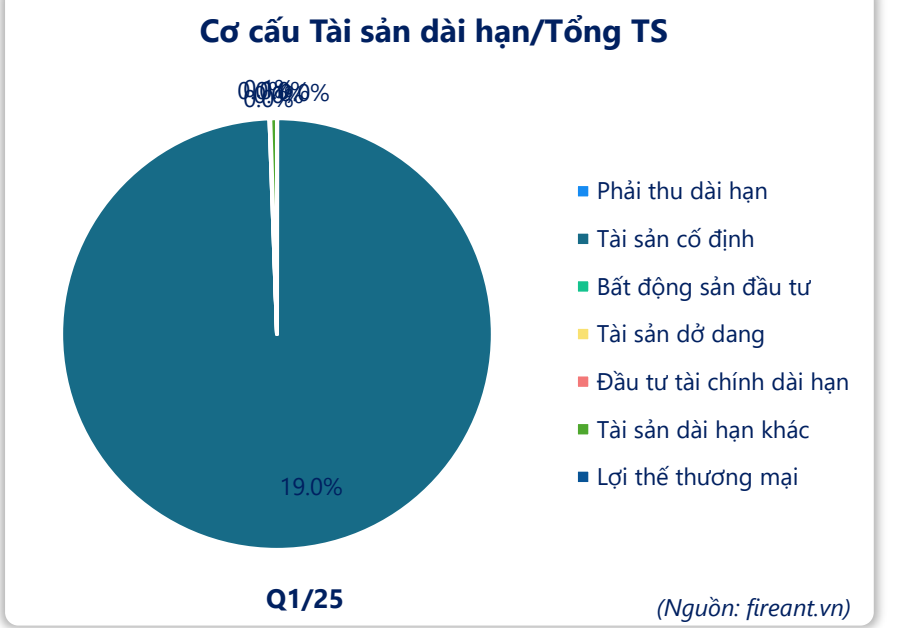
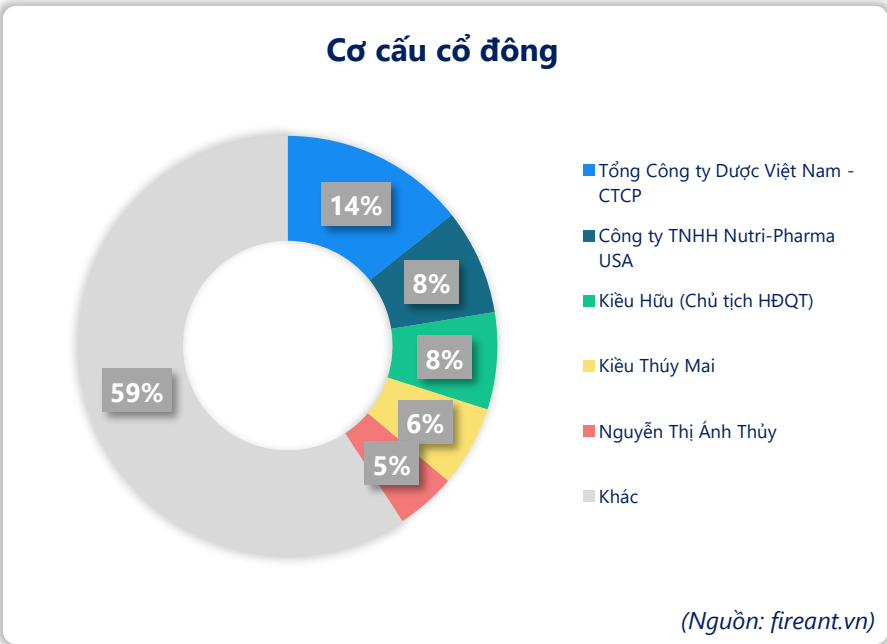
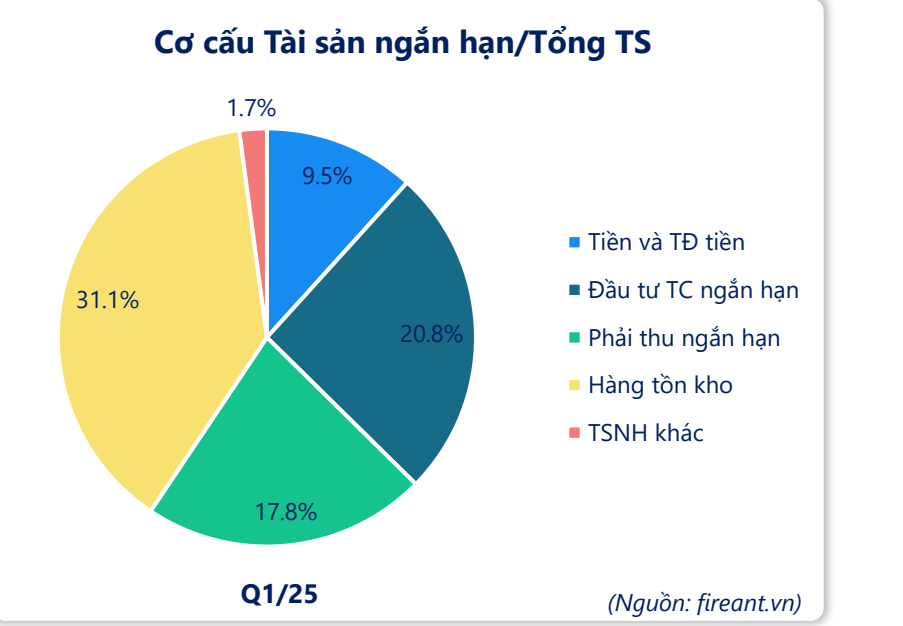
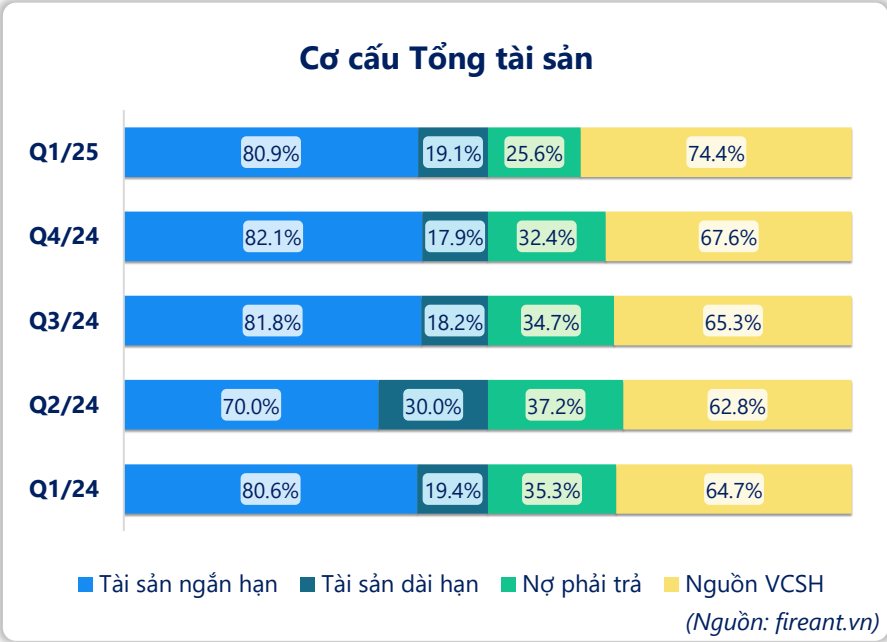
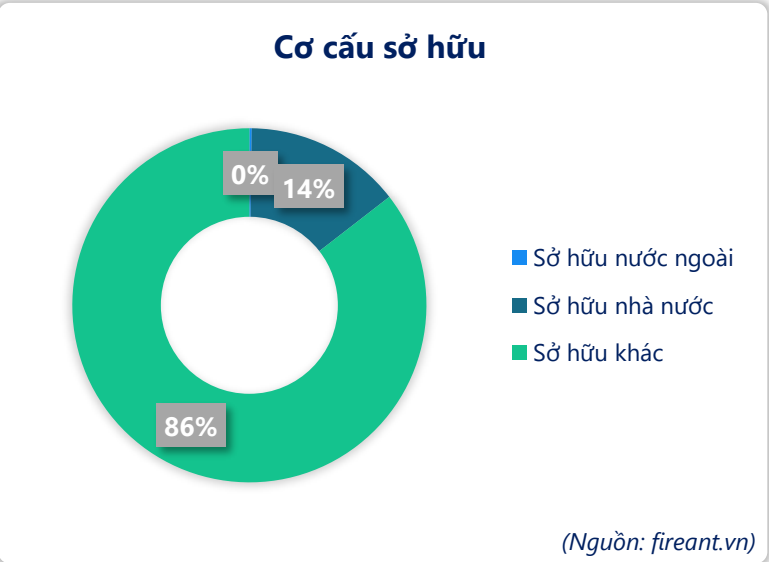
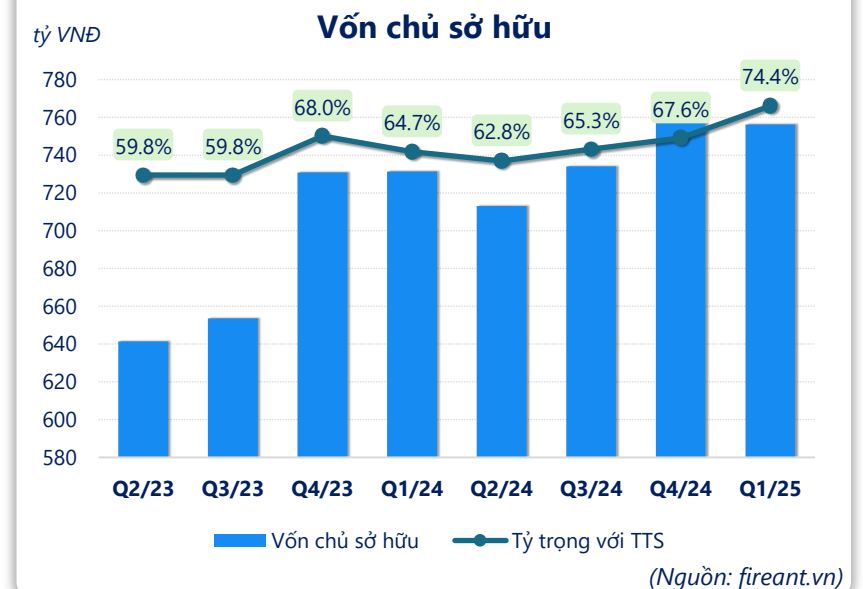
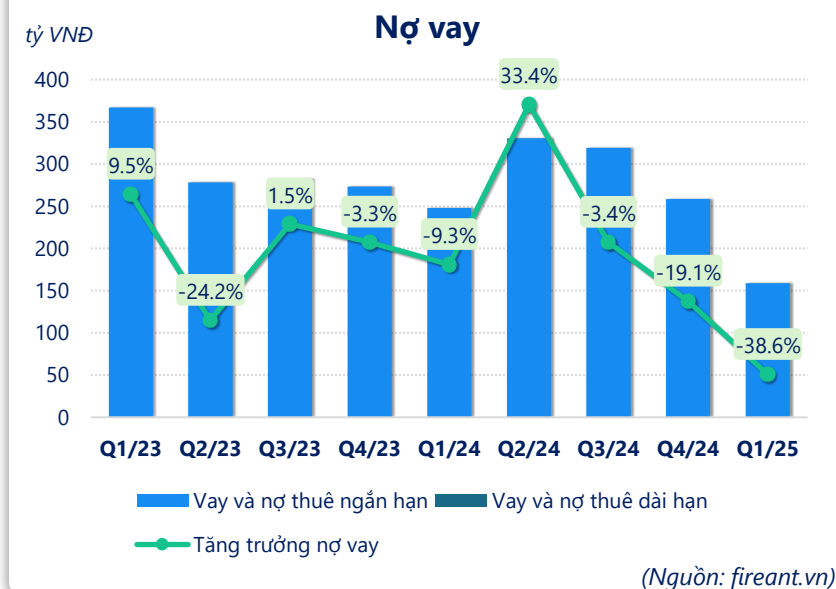
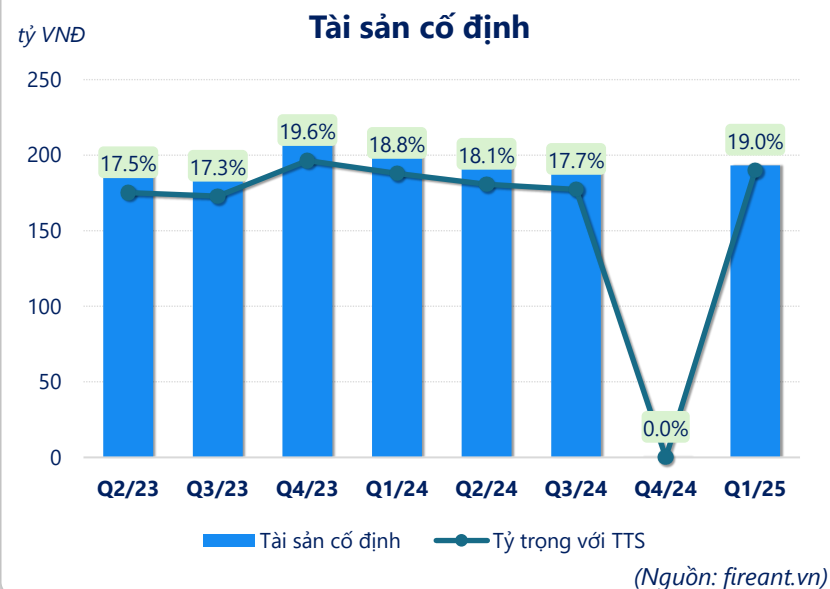
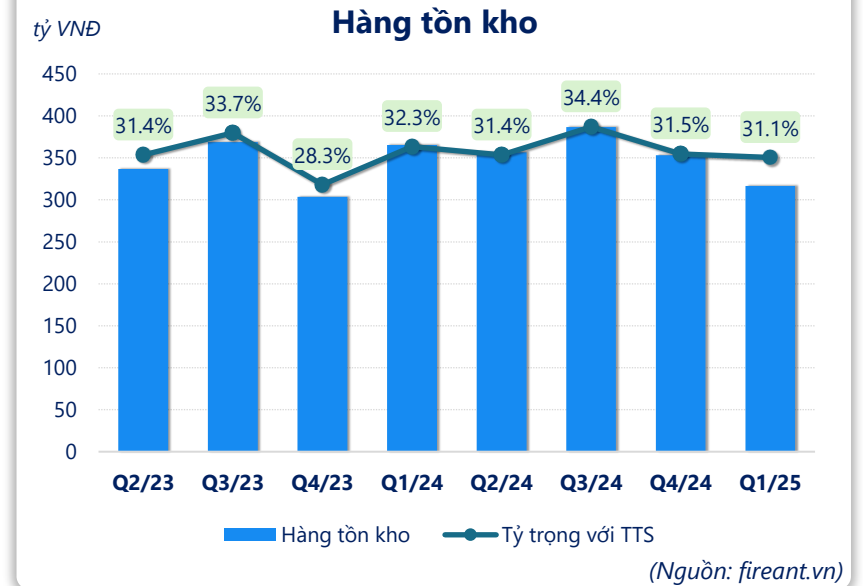
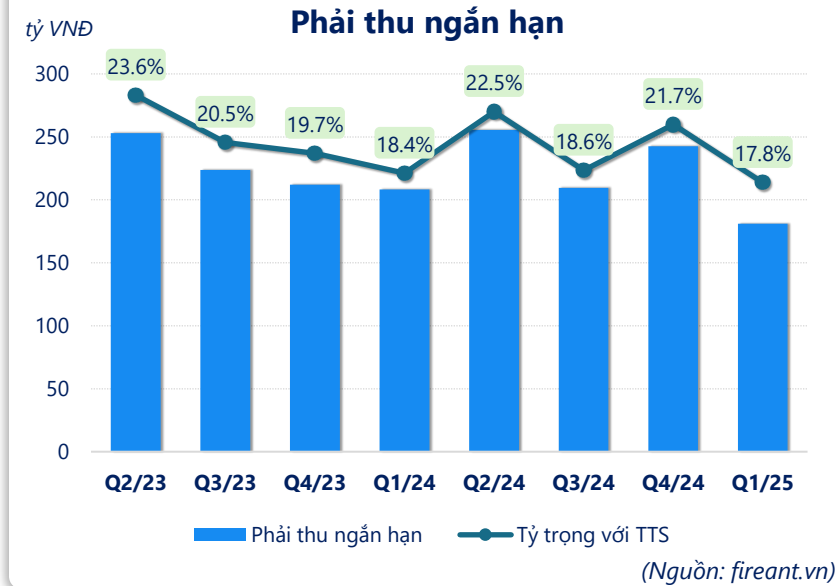
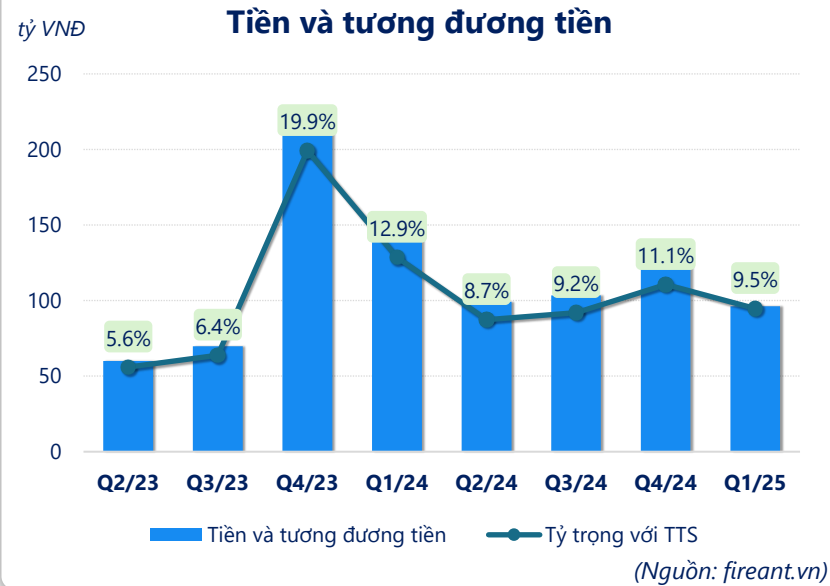
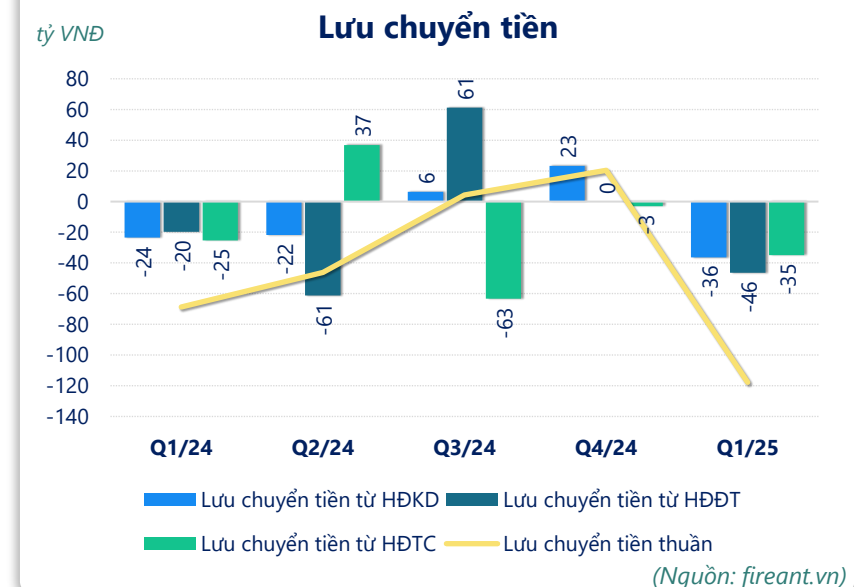
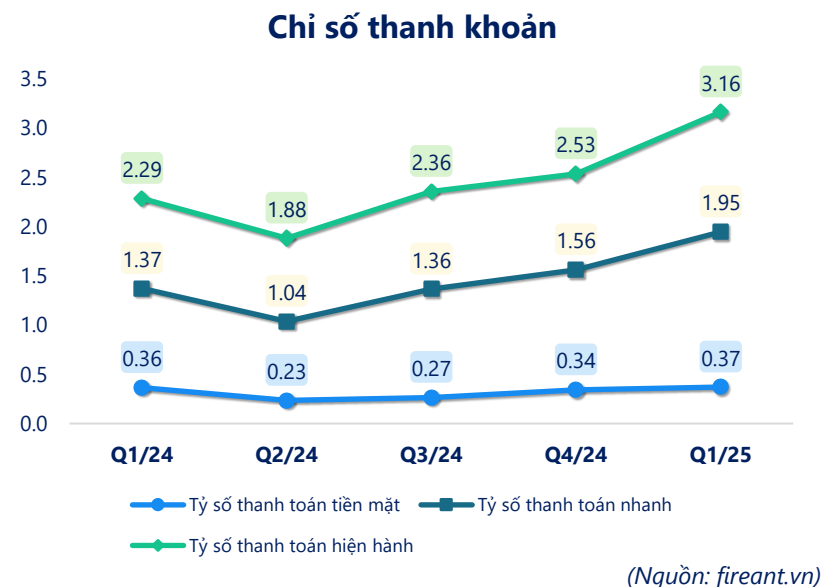
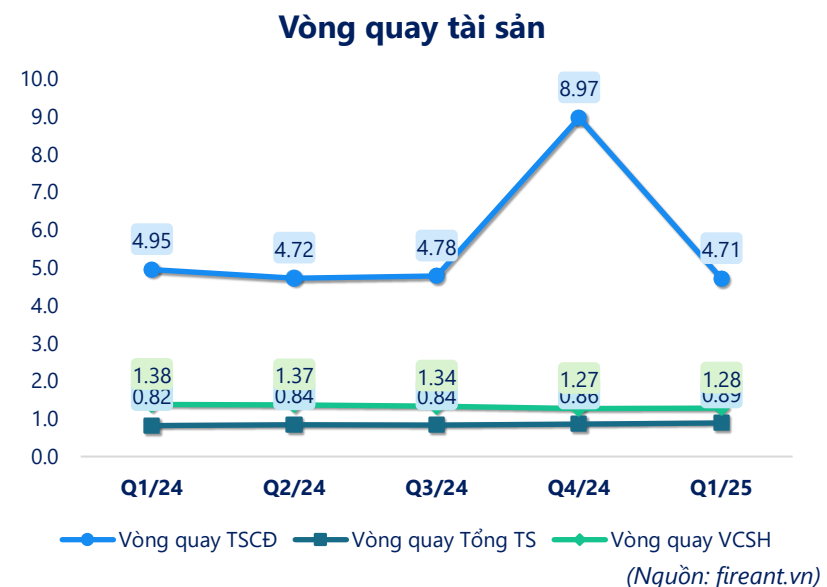
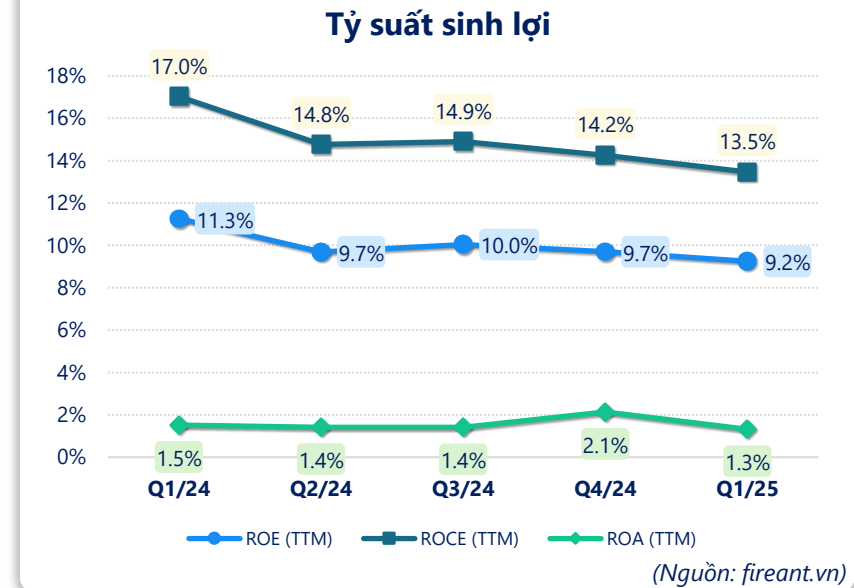
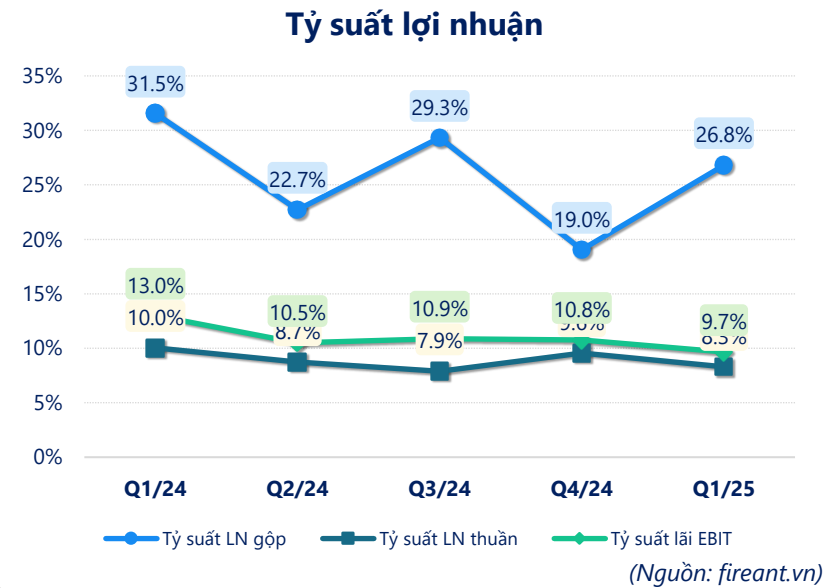
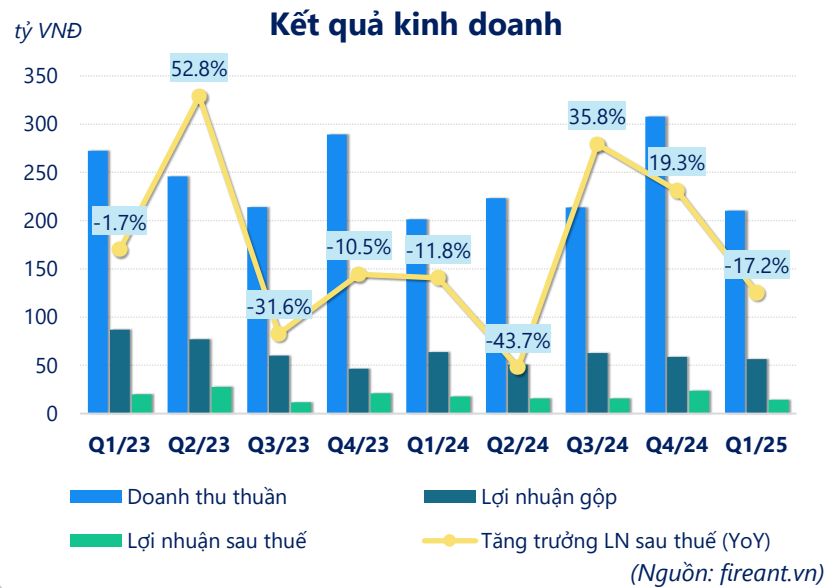


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,717
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,986
SL cổ phiếu LH		22,083,392
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,785
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		764
P/E		11.1
EPS		3,114

	YTD	1T	3T	6T
VDP	3.1%	2.8%	6.9%	12.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,016	1,126	-9.7%
Tài sản ngắn hạn	822	922	-10.9%
Tiền và tương đương tiền	96.2	124	-22.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	211	193	9.4%
Phải thu ngắn hạn	181	256	-29.3%
Hàng tồn kho	316	346	-8.7%
Tài sản ngắn hạn khác	17.4	3.06	468%
Tài sản dài hạn	194	204	-4.6%
Phải thu dài hạn	0.04	0.42	-91.6%
Tài sản cố định	193	195	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.11	0.11	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.97	8.37	-88.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	260	374	-30.5%
Nợ ngắn hạn	260	374	-30.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	159	258	-38.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	65.7	50.7	29.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	756	752	0.6%
Vốn chủ sở hữu	756	752	0.6%
Vốn điều lệ	221	221	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	201	223	213	308	210
Giá vốn hàng bán	138	172	151	249	154
Lợi nhuận gộp	63.6	50.7	62.6	58.6	56.4
Doanh thu HĐTC	2.33	7.63	2.53	10.9	0.66
Chi phí TC	4.27	6.48	3.64	3.99	3.62
Chi phí lãi vay	4.19	3.73	3.64	3.64	2.49
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	25.0	15.7	26.8	5.11	23.0
Chi phí QLDN	16.4	16.7	17.8	31.0	13.0
LN thuần từ HĐKD	20.2	19.5	16.8	29.4	17.4
Lợi nhuận khác	1.78	0.20	2.77	0.08	0.38
LN trước thuế	22.0	19.7	19.6	29.5	17.8
Lợi nhuận sau thuế	17.6	15.6	15.6	23.4	14.1
LNST của CĐ cty mẹ	17.6	15.6	15.6	23.4	14.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-23.5	-21.8	6.39	23.3	-36.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.7	-61.2	61.2	0	-46.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-25.4	36.8	-63.3	-2.95	-35.0
Tiền đầu kỳ	214	145	99.2	103	214
Lưu chuyển tiền thuần	-68.6	-46.2	4.28	20.4	-118
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.05	-0.05	0	0
Tiền cuối kỳ	145	99.2	103	124	96.2

(Nguồn: fireant.vn)